HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG

Hiệu lực từ ngày 01/09/2025

A. NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
I	**NHÓM PHÍ PHÁT HÀNH VÀ PHÍ THƯỜNG NIÊN**		
1	Phí phát hành thường (đ/thẻ)		
	– Thẻ chuẩn	Miễn phí	Miễn phí
	– Thẻ vàng	Miễn phí	Miễn phí
	– Thẻ Platinum	Miễn phí	
2	Phí phát hành nhanh (đ/thẻ)	100.000	55.000
3	Phí phát hành lại thẻ do hết hạn (đ/thẻ)	Miễn phí	55.000
4	Phí phát hành lại thẻ do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)		
	– Thẻ chuẩn	50.000	55.000
	– Thẻ vàng	100.000	55.000
	– Thẻ Platinum	150.000	
5	Phí phát hành lại thẻ nhanh do thất lạc/hư hại (đ/thẻ)	100.000	55.000
6	Phí thường niên (đ/thẻ/năm)		
	– Thẻ chuẩn	220.000	165.000
	– Thẻ vàng	440.000	330.000
	– Thẻ Platinum	990.000	
II	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM HDBANK**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)		
	– Thẻ chuẩn	0,5% (tối thiểu 100.000)	0,5% (tối thiểu 100.000)
	– Thẻ vàng		

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
	– Thẻ Platinum		
2	Phí truy vấn không in hóa đơn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
3	Phí truy vấn có in hóa đơn (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
4	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
III	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH TẠI ATM THUỘC LIÊN MINH NAPAS, VISA**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)		
	– Thẻ chuẩn	4,0% (tối thiểu: 100.000)	1,0% (tối thiểu: 11.000)
	– Thẻ vàng		
	– Thẻ Platinum		
2	Phí truy vấn (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	550
3	Phí in sao kê (đ/lần)	Không áp dụng dịch vụ	550
IV	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC CỦA HDBANK**		
1	Phí rút tiền mặt (đ/giao dịch)	0,5% (tối thiểu 100.000)	0,5% (tối thiểu 100.000)
2	Phí truy vấn (đ/lần)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
3	Phí đổi PIN (đ/lần)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
V	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC THUỘC LIÊN MINH NAPAS**		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Không áp dụng dịch vụ	Miễn phí
VI	**NHÓM PHÍ GIAO DỊCH QUA POS/EDC THUỘC HỆ THỐNG VISA/MASTERCARD**		
1	Phí thanh toán hàng hóa – dịch vụ (đ/giao dịch)	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
VII	**NHÓM PHÍ DỊCH VỤ KHÁC**		
1	Phí chuyển đổi ngoại tệ (%/giá trị giao dịch)		

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
	– Thẻ chuẩn	3,0%	Không áp dụng dịch vụ
	– Thẻ vàng		
	– Thẻ Platinum	1,5%	
2	Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT có mã quốc gia khác VN (%/giá trị giao dịch)		
	– Thẻ chuẩn	1,1% (tối thiểu: 10.000)	Không áp dụng dịch vụ
	– Thẻ vàng		
	– Thẻ Platinum		
3	Phí thông báo thất lạc thẻ (đ/lần)	220.000	Miễn phí
4	Phí khóa/mở khóa thẻ (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
5	Phí in sao kê chi tiết hàng tháng (đ/lần)	5.500	5.500
6	Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (đ/hóa đơn)		
	– Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của HDBank	22.000	11.000
	– Tại Đơn vị chấp nhận thẻ không thuộc HDBank	110.000	110.000
7	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	55.000	Miễn phí
8	Phí cấp lại PIN (đ/lần)	22.000	11.000
9	Phí tất toán trước hạn/đóng tài khoản (đ/lần)	Miễn phí	Miễn phí
10	Phí khiếu nại sai (đ/lần)		
	– Thẻ chuẩn	88.000	55.000
	– Thẻ vàng		
	– Thẻ Platinum	100.000	
11	Phí thay đổi hạng thẻ (đ/lần)	Miễn phí	55.000

STT	LOẠI PHÍ	THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	THẺ TÍN DỤNG NỘI ĐỊA
12	Phí đặt hàng dịch vụ qua thư, điện thoại, internet	Miễn phí	Không áp dụng dịch vụ
13	Phí chậm thanh toán dư nợ tín dụng (%/số tiền thanh toán tối thiểu)	4,0% (tối thiểu: 100.000)	4,0% (tối thiểu:100.000)
14	Phí sử dụng vượt hạn mức (%/số tiền vượt)	2,5% (tối thiểu: 55.000)	2,5% (tối thiểu: 55.000)
15	Phí thay đổi hạn mức tín dụng (đ/lần)		
	– Thẻ chuẩn	33.000	33.000
	– Thẻ vàng		
	– Thẻ Platinum	Miễn phí	-
16	Phí cấp lại sao kê (đ/kỳ)	33.000	33.000
17	Phí tăng hạn mức tạm thời theo yêu cầu của Chủ thẻ (đ/lần)	55.000	55.000
18	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo tiền vay (đ/lần)	55.000	55.000
19	Phí nạp thêm tiền/thanh toán dư nợ thẻ	Miễn phí	Miễn phí
20	Phí nhận sao kê giấy (đ/thẻ/tháng)	22.000	22.000
21	Dịch vụ SMS thông báo biến động giao dịch (đồng/tháng)	5.500	5.500
22	Phí hoàn lại số dư có (đồng/lần)	100.000	100.000
23	Phí hủy Thẻ (đồng/thẻ)[1]	220.000	Miễn phí
24	Lãi suất trong hạn	2,0% - 3,0%/tháng	1,58% - 3,0%/tháng
25	Lãi suất quá hạn (Hiệu lực 18/06/2025)	150% lãi suất trong hạn	

[1] Áp dụng Thẻ hủy trong vòng 12 tháng kể từ ngày phát hành Thẻ (bao gồm Thẻ chính và Thẻ phụ).

B. NHÓM PHÍ DỊCH VỤ TRẢ GÓP TRÊN MOBILE BANKING

I. Trả góp giao dịch

1. Tất cả đối tượng Khách hàng

STT	KỲ HẠN (THÁNG)	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ (trên giá trị Giao dịch chuyển đổi trả góp)
1	03	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	1.9%
2	06	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	2.9%
3	09	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.8%/tháng
4	12	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.9%/tháng

2. Đối tượng Khách hàng chương trình "Đồng hành Tri thức"

STT	KỲ HẠN (THÁNG)	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ (trên giá trị Giao dịch chuyển đổi trả góp)
1	06	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	2.50%
2	09	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	3.50%
3	12	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	4.50%
4	24	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.7%/tháng
		Phí tất toán trả góp trước hạn (trước 12 tháng)	2%/dư nợ còn lại
5	36	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.8%/tháng
		Phí tất toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại
6	48	Phí duy trì trả góp hàng tháng	0.9%/tháng
		Phí tất toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại
7	60	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.0%/tháng
		Phí tất toán trả góp trước hạn (trước 24 tháng)	2%/dư nợ còn lại

II. Trả góp dư nợ

a. Mức phí chuyển đổi trả góp dư nợ

STT	KỲ HẠN (THÁNG)	LOẠI PHÍ	MỨC PHÍ (trên giá trị Giao dịch chuyển đổi trả góp)
1	03	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	3.50%
2	06	Phí chuyển đổi trả góp (thu 1 lần)	5.20%
3	09	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.2%/tháng
4	12	Phí duy trì trả góp hàng tháng	1.2%/tháng

b. Mức phí hủy giao dịch trả góp dư nợ

<table>
<tr><th>Kỳ hạn</th><th>Hình thức thu phí</th><th>Phí thu khách hàng</th><th>Phí thu CBNV</th></tr>
<tr><td>3 tháng</td><td colspan="2" rowspan="2">Miễn phí</td><td rowspan="4">Miễn phí</td></tr>
<tr><td>6 tháng</td></tr>
<tr><td>9 tháng</td><td rowspan="2">Phí hủy trả góp (thu 1 lần)</td><td rowspan="2">3% trên dư nợ trả góp còn lại (tối thiểu 50.000vnđ)</td></tr>
<tr><td>12 tháng</td></tr>
</table>

Lưu ý: Phí và kỳ hạn trả góp có thể thay đổi theo quy định của HDBank theo từng thời kỳ. Phí hủy giao dịch trả góp dư nợ thu 01 lần tại thời điểm hủy.

Biểu phí này được thay đổi theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ, Quý khách vui lòng truy cập vào trang thông tin điện tử chính thức của HDBank (website: www.hdbank.com.vn) để cập nhật biểu phí mới nhất.